**Phụ lục II**

# DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬALĨNH VỰC HOÁ CHẤT THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG

*(Kèm theo Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)*

## Phần I
## DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC XÂY DỰNG QUY TRÌNH NỘI BỘ THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA (09 TTHC)

| Số TT | Tên thủ tục hành chính | Ghi chú |
|---|---|---|
| 1 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp | |
| 2 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp | Thực hiện theo cơ chế "4 tại chỗ" |
| 3 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp | |
| 4 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp | Thực hiện theo cơ chế "4 tại chỗ" |
| 5 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp | |
| 6 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp | |
| 7 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp | Thực hiện theo cơ chế "4 tại chỗ" |
| 8 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp | |
| 9 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp | |
| *Danh mục gồm 09 TTHC* | | |

## Phần II

## QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA

### CÁC TỪ VIẾT TẮT

- Thủ tục hành chính: TTHC.
- Trung tâm Phục vụ hành chính công: TTPVHCC.
- Quản lý công nghiệp: QLCN.
- Công chức Bộ phận Một cửa: CCMC.

**1. Nhóm 06 TTHC gồm:**

**1.1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.**

**1.2. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.**

*(thực hiện theo cơ chế "4 tại chỗ")*

**1.3. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.**

**1.4. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.**

*(thực hiện theo cơ chế "4 tại chỗ")*

***1.5.*** **Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.**

***1.6.*** **Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.**

Tổng thời gian thực hiện 01 TTHC:

- Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính: 06 ngày làm việc *(Thời gian thực hiện theo quy định 12 ngày làm việc, thời gian đã cắt giảm: 06 ngày làm việc*).

- Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính: 15 ngày làm việc.

**** Quy trình nội bộ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính:***

Tổng thời gian thực hiện 01 TTHC: 06 ngày làm việc

| TT | Trình tự | Trách nhiệm thực hiện | Thời hạn thực hiện |
|---|---|---|---|
| B1 | Tiếp nhận hồ sơ và ghi Giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử.<br>Chuyển hồ sơ cho Phòng QLCN. | CCMC Sở tại TTPVHCC | 1/2 ngày |
| B2 | Phân công xử lý hồ sơ | Lãnh đạo Phòng QLCN | 1/2 ngày |
| B3 | Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản:<br>- Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, nêu rõ lý do.<br>- Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức không quá 03 ngày làm việc, nêu rõ lý do.<br>- Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu, thực hiện bước tiếp theo. | Chuyên viên Phòng QLCN | 03 ngày |
| B4 | Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở | Lãnh đạo Phòng QLCN | 1/2 ngày |
| B5 | Duyệt hồ sơ/ký văn bản xử lý | Lãnh đạo Sở | 01 ngày |
| B6 | Trường hợp thông thường:Đóng dấu, chuyển văn bản xử lý cho CCMC | Văn thư | 1/2 ngày |
| | Trường hợp thực hiện cơ chế "4 tại chỗ":<br>Ban hành văn bản điện tử.<br>In văn bản, đóng dấu. | Văn thư/CCMC tại TTPVHCC | |
| B7 | Trả kết quả giải quyết.<br>Thống kê, theo dõi. | CCMC Sở tại TTPVHCC | Không tính thời gian |
| | **Tổng thời gian thực hiện** | | **06 ngày** |

**** Quy trình nội bộ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính***

Tổng thời gian thực hiện 01 TTHC: 15 ngày làm việc

| TT | Trình tự | Trách nhiệm thực hiện | Thời hạn thực hiện |
|---|---|---|---|
| B1 | Tiếp nhận hồ sơ và ghi Giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử.<br>Chuyển hồ sơ cho Phòng QLCN. | CCMC Sở tại TTPVHCC | 1/2 ngày |
| B2 | Phân công xử lý hồ sơ | Lãnh đạo Phòng QLCN | 1/2 ngày |

| TT | Trình tự | Trách nhiệm thực hiện | Thời hạn thực hiện |
|---|---|---|---|
| B3 | Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản:<br>- Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, nêu rõ lý do.<br>- Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức không quá 03 ngày làm việc, nêu rõ lý do.<br>- Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu, thực hiện bước tiếp theo. | Chuyên viên Phòng QLCN | 12 ngày |
| B4 | Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở | Lãnh đạo Phòng QLCN | 1/2 ngày |
| B5 | Duyệt hồ sơ/ký văn bản xử lý | Lãnh đạo Sở | 01 ngày |
| B6 | Trường hợp thông thường: Đóng dấu, chuyển văn bản xử lý cho CCMC. | Văn thư | 1/2 ngày |
| | Trường hợp thực hiện cơ chế "4 tại chỗ":<br>Ban hành văn bản điện tử.<br>In văn bản, đóng dấu. | Văn thư/CCMC tại TTPVHCC | |
| B7 | Trả kết quả giải quyết.<br>Thống kê, theo dõi. | CCMC Sở tại TTPVHCC | Không tính thời gian |
| | **Tổng thời gian thực hiện** | | **15 ngày** |

**2. Nhóm 02TTHC thực hiện theo cơ chế "4 tại chỗ" gồm:**

**2.1. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.**

**2.2. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.**

Tổng thời gian thực hiện 01 TTHC: 03 ngày làm việc x 8 giờ = 24 giờ*(Thời gian thực hiện theo quy định: 05 ngày làm việc, thời gian đã cắt giảm 02 ngày làm việc)*

| TT | Trình tự | Trách nhiệm thực hiện | Thời hạn thực hiện |
|---|---|---|---|
| B1 | Tiếp nhận hồ sơ và ghi Giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử.<br>Chuyển hồ sơ cho Phòng QLCN. | CCMC Sở tại TTPVHCC | 04 giờ |
| B2 | Phân công xử lý hồ sơ | Lãnh đạo Phòng QLCN | 04 giờ |

| TT | Trình tự | Trách nhiệm thực hiện | Thời hạn thực hiện |
|---|---|---|---|
| B3 | Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản:<br>- Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, nêu rõ lý do.<br>- Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức không quá 03 ngày làm việc, nêu rõ lý do.<br>- Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu, thực hiện bước tiếp theo. | Chuyên viên Phòng QLCN | 04 giờ |
| B4 | Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở | Lãnh đạo Phòng QLCN | 04 giờ |
| B5 | Duyệt hồ sơ/ký văn bản xử lý | Lãnh đạo Sở | 04 giờ |
| B6 | Ban hành văn bản điện tử.<br>In văn bản, đóng dấu. | Văn thư/CCMC tại TTPVHCC | 04 giờ |
| B7 | Trả kết quả giải quyết.<br>Thống kê, theo dõi. | CCMC Sở tại TTPVHCC | Không tính thời gian |
| | **Tổng thời gian thực hiện** | | **24 giờ** |

**3. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.**

Tổng thời gian thực hiện 01 TTHC: 05 ngày làm việc x 8 giờ = 40 giờ

| TT | Trình tự | Trách nhiệm thực hiện | Thời hạn thực hiện |
|---|---|---|---|
| B1 | Tiếp nhận hồ sơ và ghi Giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử.<br>Chuyển hồ sơ cho Phòng QLCN. | CCMC Sở tại TTPVHCC | 04 giờ |
| B2 | Phân công xử lý hồ sơ | Lãnh đạo Phòng QLCN | 04 giờ |
| B3 | Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản:<br>- Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, nêu rõ lý do.<br>- Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức không quá 03 ngày làm việc, nêu rõ lý do.<br>- Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu, thực hiện bước tiếp theo. | Chuyên viên Phòng QLCN | 20 giờ |

| TT | Trình tự | Trách nhiệm thực hiện | Thời hạn thực hiện |
|---|---|---|---|
| B4 | Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở | Lãnh đạo Phòng QLCN | 04 giờ |
| B5 | Duyệt hồ sơ/ký văn bản xử lý | Lãnh đạo Sở | 04 giờ |
| B6 | Đóng dấu, chuyển văn bản xử lý cho CCMC | Văn thư | 04 giờ |
| B7 | Trả kết quả giải quyết.<br>Thống kê, theo dõi. | CCMC Sở tại TTPVHCC | Không tính thời gian |
| | **Tổng thời gian thực hiện** | | **40 giờ** |